

**TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM**  
**LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH THANH HÓA**

**TÀI LIỆU**  
**TUYÊN TRUYỀN VỀ ĐẢM BẢO TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG**  
(Phục vụ tại Hội nghị Báo cáo viên LĐLĐ tỉnh)

*Tháng 9/2019*



## TỐC ĐỘ TỐI ĐA CÁC PHƯƠNG TIỆN KHÍ THAM GIA GIAO THÔNG

Các quy định về tốc độ tối đa của các phương tiện khí tham gia giao thông trong và ngoài khu vực đông dân cư, cũng như trên đường cao tốc, (Theo quy định tại Thông tư 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông trên đường bộ do Bộ GTVT ban hành, có hiệu lực từ 1/3/2016)

**Bảng 1: Tốc độ tối đa ngoài khu vực đông dân cư và trên đường cao tốc**  
(chia theo 7 nhóm phương tiện, 6 mức tốc độ tối đa và theo 3 loại đường)

Loại xe	Tốc độ tối đa (Không quá)		
	Ngoài khu vực đông dân cư		Đường cao tốc
	- Đường đôi (có dải phân cách giữa) - Đường một chiều có từ 2 làn xe trở lên	- Đường hai chiều không có dải phân cách giữa - Đường một chiều có 1 làn xe	
1. Ô tô con, ô tô chở người đến 30 chỗ (trừ xe buýt); xe tải đến 3,5 tấn.	90 km/h	80 km/h	120 km/h
2. Ô tô chở người trên 30 chỗ (trừ xe buýt); Xetải trên 3,5 tấn.	80 km/h	70 km/h	120 km/h
3. Xe buýt; ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc; xe chuyên dùng (xe quét đường; hút chất thải; trộn bom bê tông; cần cẩu; xe thang; xe truyền hình lưu động...)	70 km/h	60 km/h	120 km/h
4. Ô tô kéo rơ moóc; ô tô kéo xe khác.	60 km/h	50 km/h	120 km/h
5. Xe máy chuyên dùng (gồm xe máy thi công, xe máy nông, lâm nghiệp, xe đặc chủng khác sử dụng vào mục đích ANQP)	40 km/h	40 km/h	120 km/h
6. Xe mô tô.	70 km/h	60 km/h	120 km/h
7. Xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự	40 km/h	40 km/h	Không được phép

**Lưu ý:**

- **Xe mô tô:** là xe 2 bánh lắp động cơ có dung tích xy lanh lớn hơn 50 cm<sup>3</sup> hoặc có vận tốc thiết kế lớn hơn 50km/h.
- **Xe máy:** là xe 2 hoặc 3 bánh lắp động cơ có dung tích xy lanh không quá 50 cm<sup>3</sup> và vận tốc thiết kế không quá 50km/h.

**Bảng 2: Tốc độ tối đa trong khu vực đông dân cư và trên đường cao tốc**  
(chia theo 4 nhóm phương tiện, 4 mức tốc độ tối đa và theo 3 loại đường)

Loại xe	Tốc độ tối đa (không quá)		
	Trong khu vực đông dân cư		Đường cao tốc
	- Đường đôi (có dải phân cách giữa) - Đường một chiều có từ 2 làn xe trở lên	- Đường hai chiều không có dải phân cách giữa - Đường một chiều có 1 làn xe	
1. Các loại xe ô tô; xe tải, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô, xe tải	60 km/h	50 km/h	120 km/h
2. Xe mô tô 2, 3 bánh	60 km/h	50 km/h	120 km/h
3. Xe máy chuyên dùng (gồm xe máy thi công, xe máy nông, lâm nghiệp, xe đặc chủng khác sử dụng vào mục đích ANQP)	40 km/h	40 km/h	120 km/h
4. Xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự	40 km/h	40 km/h	Không được phép

## CÁC MỨC PHẠT VI PHẠM GIAO THÔNG

Hiện nay, quy định về xử phạt đối với các hành vi vi phạm lĩnh vực giao thông đường bộ được áp dụng theo Nghị định 46/2016/NĐ-CP. Bao gồm một số lỗi vi phạm phổ biến sau.

### Mục lục bài viết:

#### I. Đối với người điều khiển xe máy

1. Không đội mũ bảo hiểm
2. Chở quá số người quy định
3. Không bật xi nhan khi chuyển làn, chuyển hướng
4. Vượt đèn đỏ
5. Điều khiển xe chạy quá tốc độ
6. Lái xe sau khi uống rượu, bia
7. Đi lên vỉa hè khi tắc đường
8. Quay đầu xe tại nơi cấm quay đầu xe
9. Không mang đủ giấy tờ xe
10. Sử dụng điện thoại khi đang lái xe

#### II. Đối với người điều khiển ô tô

1. Dừng, đỗ xe không có tín hiệu báo  
Dừng, đỗ xe không có tín hiệu báo
2. Không thắt dây an toàn khi xe chạy  
Không thắt dây an toàn khi xe chạy
3. Sử dụng điện thoại khi lái xe  
Sử dụng điện thoại khi lái xe
4. Mở cửa ô tô không đảm bảo an toàn
5. Lùi xe không có tín hiệu báo trước
6. Bật đèn pha trong đô thị, khu dân cư
7. Lái xe sau khi uống rượu, bia
8. Không mang theo giấy tờ xe
9. Điều khiển xe chạy quá tốc độ
10. Gây tai nạn giao thông nhưng không dừng lại

#### I. Đối với người điều khiển xe máy

##### 1. Không đội mũ bảo hiểm

Người điều khiển, người ngồi trên xe máy không đội mũ bảo hiểm hoặc đội mũ mà không cài quai đúng quy cách bị phạt từ 100.000 đồng - 200.000 đồng (theo điểm i khoản 3 Điều 6).

##### 2. Chở quá số người quy định

Người điều khiển xe máy chỉ được chở theo 01 người trên xe. Nếu chở theo 02 người trên xe sẽ bị phạt từ 100.000 đồng - 200.000 đồng; nếu chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 14 tuổi hoặc áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật thì không bị xử phạt (điểm l khoản 3 Điều 6).

Nếu chở theo từ 03 người trở lên trên xe, mức phạt từ 300.000 đồng - 400.000 đồng (điểm b khoản 4 Điều 6).

### **3. Không bật xi nhan khi chuyển làn, chuyển hướng**

Người đi xe máy chuyển hướng nhưng không giảm tốc độ hoặc không bật xi nhan sẽ bị phạt từ 300.000 đồng – 400.000 đồng (theo điểm a khoản 4 Điều 6); Trường hợp chuyển làn đường nhưng không bật xi nhan bị phạt thấp hơn, từ 80.000 đồng – 100.000 đồng (điểm a khoản 2 Điều 6).

### **4. Vượt đèn đỏ**

Người đi xe máy vượt đèn đỏ sẽ bị xử phạt từ 300.000 đồng - 400.000 đồng (điểm c khoản 4 Điều 6 Nghị định 46). Lưu ý, mức phạt này cũng sẽ áp dụng đối với trường hợp vượt đèn vàng trái quy định.

### **5. Điều khiển xe chạy quá tốc độ**

- Nếu chạy xe quá tốc độ quy định từ 5 – 10km/h: Phạt 100.000 đồng - 200.000 đồng (theo điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định 46);

- Nếu chạy xe quá tốc độ quy định từ 10 – 20km/h: Phạt từ 500.000 đồng - 01 triệu đồng (theo điểm a khoản 5 Điều 6);

- Nếu chạy xe quá tốc độ gây tai nạn giao thông: Phạt 02 - 03 triệu đồng (theo điểm b khoản 7 Điều 5)

- Nếu chạy xe quá tốc độ quy định trên 20km/h: Phạt từ 03 - 04 triệu đồng (theo điểm a khoản 8 Điều 5).

### **6. Lái xe sau khi uống rượu, bia**

Nghị định 46 cũng quy định cụ thể mức xử phạt đối với hành vi lái xe máy sau khi uống rượu bia. Theo đó:

- Nồng độ cồn vượt quá 50 miligam - 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở: Phạt 01 - 02 triệu đồng (theo khoản 6 Điều 6).

- Nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở: Phạt 03 - 04 triệu đồng (theo điểm c khoản 8 Điều 6).

### **7. Đi lên vỉa hè khi tắc đường**

Khi tắc đường, nhiều người đi xe máy có thói quen đi lên vỉa hè. Theo Nghị định 46, hành vi này bị xử phạt 30.0000 đồng – 400.000 đồng (theo điểm g khoản 4 Điều 6).

Mức phạt trên cũng áp dụng với người điều khiển xe không đi bên phải, đi không đúng phần đường, làn đường theo quy định.

### **8. Quay đầu xe tại nơi cấm quay đầu xe**

Người đi xe máy quay đầu xe tại nơi cấm quay đầu xe sẽ bị phạt từ 80.000 đồng – 100.000 đồng (điểm h khoản 2 Điều 6).

### **9. Không mang đủ giấy tờ xe**

- Không mang Giấy đăng ký xe: Phạt 80.000 đồng – 120.000 đồng (theo điểm b khoản 2 Điều 21);

- Không mang Giấy phép lái xe: Phạt từ 80.000 đồng – 120.000 đồng (theo điểm c khoản 2 Điều 21);

- Không mang Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự còn hiệu lực: Phạt từ 80.000 đồng – 120.000 đồng (theo điểm a khoản 2 Điều 21).

### **10. Sử dụng điện thoại khi đang lái xe**

Người đang lái xe máy mà sử dụng ô (dù), điện thoại di động, thiết bị âm thanh sẽ bị phạt từ 100.000 đồng – 200.000 đồng (điểm o khoản 3 Điều 6 Nghị định 46).

## II. Đối với người điều khiển ô tô

### 1. Dừng, đỗ xe không có tín hiệu báo

Người điều khiển ô tô khi dừng xe, đỗ xe không có tín hiệu báo cho người điều khiển phương tiện khác biết sẽ bị phạt từ 100.000 đồng - 200.000 đồng (điểm d khoản 1 Điều 5).

### 2. Không thắt dây an toàn khi xe chạy

Lái ô tô mà không thắt dây an toàn; chở người trên xe ô tô không thắt dây an toàn tại vị trí có trang bị dây an toàn khi xe đang chạy bị phạt từ 100.000 đồng - 200.000 đồng (theo điểm k, l khoản 1 Điều 5).

Đáng chú ý, từ năm 2018, người ngồi ghế sau ô tô không thắt dây an toàn cũng sẽ bị phạt tiền.

### 3. Sử dụng điện thoại khi lái xe

Người đang điều khiển ô tô chạy trên đường mà dùng tay sử dụng điện thoại di động sẽ bị phạt tiền từ 600.000 đồng - 800.000 đồng (điểm l khoản 3 Điều 5).

### 4. Mở cửa ô tô không đảm bảo an toàn

Luật Giao thông đường bộ 2008 quy định người điều khiển phương tiện không được mở cửa xe, để cửa xe mở hoặc bước xuống xe khi chưa bảo đảm điều kiện an toàn.

Nghị định 46 chỉ rõ: Người điều khiển ô tô mở cửa xe, để cửa xe mở không bảo đảm an toàn sẽ bị phạt từ 300.000 đồng - 400.000 đồng (điểm g khoản 2 Điều 5).

### 5. Lùi xe không có tín hiệu báo trước

Người điều khiển ô tô lùi xe không quan sát hoặc không có tín hiệu báo trước, lùi ở đường một chiều, lùi ở đường dành cho người đi bộ qua đường... bị phạt từ 300.000 đồng - 400.000 đồng (điểm l khoản 2 Điều 5).

### 6. Bật đèn pha trong đô thị, khu dân cư

Sử dụng đèn chiếu xa (đèn pha) trong khu đô thị, khu đông dân cư, trừ xe ưu tiên đang làm nhiệm vụ bị phạt từ 600.000 đồng - 800.000 đồng. Mức phạt này cũng áp dụng với hành vi bấm còi, rú ga liên tục (điểm b khoản 3 Điều 5).

### 7. Lái xe sau khi uống rượu, bia

- Có nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở: Phạt 02 - 03 triệu đồng (điểm a khoản 6 Điều 5);

- Nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở: Phạt 07 - 08 triệu đồng (điểm b khoản 8 Điều 5);

- Nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở: Phạt 16 - 18 triệu đồng (điểm a khoản 9 Điều 5).

### 8. Không mang theo giấy tờ xe

- Không mang theo Giấy phép lái xe: Phạt 200.000 đồng - 400.000 đồng (điểm a khoản 3 Điều 21);

- Không mang theo Giấy đăng ký xe: Phạt 200.000 đồng - 400.000 đồng (điểm b khoản 3 Điều 21);

- Không mang theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (với xe phải có kiểm định): Phạt 200.000 đồng - 400.000 đồng (điểm b khoản 3 Điều 21).

### **9. Điều khiển xe chạy quá tốc độ**

- Chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến dưới 10 km/h: Phạt 600.000 đồng - 800.000 đồng (điểm a khoản 3 Điều 5);
- Chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h: Phạt 02 - 03 triệu đồng (điểm đ khoản 6 Điều 5);
- Chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h đến 35 km/h: Phạt 05 - 06 triệu đồng (điểm a khoản 7 Điều 5); đồng thời bị tước bằng lái xe 01 tháng
- Chạy quá tốc độ quy định gây tai nạn giao thông: Phạt 07 - 08 triệu đồng (điểm c, d khoản 8 Điều 5);
- Chạy quá tốc độ quy định trên 35 km/h: Phạt 07 - 08 triệu đồng (điểm đ khoản 8 Điều 5); đồng thời bị tước bằng lái xe 02 tháng.

### **10. Gây tai nạn giao thông nhưng không dừng lại**

Người điều khiển ô tô gây tai nạn giao thông nhưng không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn bị phạt từ 05 - 06 triệu đồng (điểm b khoản 7 Điều 5)/.



## TOÀN BỘ LỖI VI PHẠM KHIẾN BẠN BỊ TƯỚC GIẤY PHÉP LÁI XE

Lỗi vi phạm		Thời hạn tước	Căn cứ
<b>Đối với người điều khiển xe máy</b>			
1	Chở theo từ 03 người trở lên trên xe	01 - 03 tháng	Điểm b Khoản 4 Điều 6
2	Không chấp hành hiệu lệnh của đèn giao thông		Điểm c Khoản 4 Điều 6
3	Đi vào đường cấm, khu vực cấm; đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển "Cấm đi ngược chiều", trừ trường hợp xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định		Điểm i Khoản 4 Điều 6
4	Không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn của cảnh sát giao thông		Điểm m Khoản 4 Điều 6
5	Điều khiển xe đi vào đường cao tốc, trừ xe phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc		Điểm b Khoản 5 Điều 6
6	Không nhường đường hoặc gây cản trở xe ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ		Điểm đ Khoản 5 Điều 6
7	Lái xe sau khi uống rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở.		Khoản 6 Điều 6
8	Không gạt chân chống hoặc để vật khác quệt xuống đường khi xe đang chạy		Điểm a Khoản 7 Điều 6
9	Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h		Điểm a Khoản 8 Điều 6
10	Tổ chức thực hiện hành vi cản trở hoặc không chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ, trừ các hành vi vi phạm quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 9, Khoản 10 Điều 5; Điểm b Khoản 8, Khoản 10 Điều 6; Điểm b Khoản 7 Điều 7; Điểm b Khoản 6 Điều 33.		Khoản 7 Điều 11
11	Điều khiển xe đăng ký tạm hoạt động quá phạm vi, thời hạn cho phép		Điểm c Khoản 5 Điều 17
12	Vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi chắn đang dịch chuyển; vượt đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung		Khoản 9 Điều 46

13	Điều khiển loại xe sản xuất, lắp ráp trái quy định tham gia giao thông	01 - 03 tháng	Điểm d Khoản 5 Điều 17
14	Không chú ý quan sát, điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định gây tai nạn giao thông; vượt xe hoặc chuyển làn đường trái quy định gây tai nạn giao thông	02 - 04 tháng	Điểm b Khoản 7 Điều 6
15	Gây tai nạn giao thông không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn		Điểm c Khoản 7 Điều 6
16	- Buông cả hai tay khi đang điều khiển xe; dùng chân điều khiển xe; ngồi về một bên điều khiển xe; nằm trên yên xe điều khiển xe; thay người điều khiển khi xe đang chạy; quay người về phía sau để điều khiển xe hoặc bịt mắt điều khiển xe; - Điều khiển xe lạng lách hoặc đánh võng trên đường bộ trong, ngoài đô thị; - Điều khiển xe chạy bằng một bánh đối với xe hai bánh, chạy bằng hai bánh đối với xe ba bánh; - Điều khiển xe thành nhóm từ 02 (hai) xe trở lên chạy quá tốc độ quy định.		Khoản 9 Điều 6
17	Tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần các lỗi sau đây: - Buông cả hai tay khi đang điều khiển xe; dùng chân điều khiển xe; ngồi về một bên điều khiển xe; nằm trên yên xe điều khiển xe; thay người điều khiển khi xe đang chạy; quay người về phía sau để điều khiển xe hoặc bịt mắt điều khiển xe; - Điều khiển xe lạng lách hoặc đánh võng trên đường bộ trong, ngoài đô thị; - Điều khiển xe chạy bằng một bánh đối với xe hai bánh, chạy bằng hai bánh đối với xe ba bánh; - Điều khiển xe thành nhóm từ 02 xe trở lên chạy quá tốc độ quy định.	03 - 05 tháng	Khoản 9 Điều 6
18	Không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường, trừ các hành vi vi phạm quy định tại Điểm a, Điểm d, Điểm đ, Điểm h Khoản 2; Điểm c, Điểm đ, Điểm h, Điểm m Khoản 3; Điểm c, Điểm d,	02 - 04 tháng	Điểm a Khoản 1 Điều 6

	Điểm g, Điểm i Khoản 4; Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d, Điểm e Khoản 5; Điểm b Khoản 7; Điểm a Khoản 8; Điểm d Khoản 9 Điều 6 và gây tai nạn giao thông	
19	Không giữ khoảng cách an toàn để xảy ra va chạm với xe chạy liền trước hoặc không giữ khoảng cách theo quy định của biển báo hiệu “Cự ly tối thiểu giữa hai xe” và gây tai nạn giao thông	Điểm c, Khoản 1 Điều 6
20	Chuyển hướng không nhường quyền đi trước cho: Người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ; xe thô sơ đang đi trên phần đường dành cho xe thô sơ và gây tai nạn giao thông	Điểm d Khoản 1 Điều 6
21	Chuyển hướng không nhường đường cho: Các xe đi ngược chiều; người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường tại nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ và gây tai nạn giao thông	Điểm đ Khoản 1 Điều 6
22	Lùi xe mô tô ba bánh không quan sát hoặc không có tín hiệu báo trước và gây tai nạn giao thông	Điểm e Khoản 1 Điều 6
23	Sử dụng đèn chiếu xa khi tránh xe đi ngược chiều và gây tai nạn giao thông	Điểm g Khoản 1 Điều 6
24	Chở người ngồi trên xe sử dụng ô (dù) và gây tai nạn giao thông	Điểm h Khoản 1 Điều 6
25	Không tuân thủ các quy định về nhường đường tại nơi đường giao nhau, trừ các hành vi vi phạm quy định tại các Điểm d Khoản 2, Điểm b Khoản 3 Điều 6 và gây tai nạn giao thông	Điểm i Khoản 1 Điều 6
26	Điều khiển xe chạy dàn hàng ngang từ 3 xe trở lên và gây tai nạn giao thông	Điểm b Khoản 2 Điều 6
27	Không sử dụng đèn chiếu sáng trong thời gian từ 19h ngày hôm trước đến 05h ngày hôm sau hoặc khi sương mù, thời tiết xấu hạn chế tầm nhìn và gây tai nạn giao thông	Điểm c Khoản 2 Điều 6
28	Không nhường đường cho xe xin vượt khi có đủ điều kiện an toàn; không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, đường chính từ bất kỳ hướng nào tới tại nơi đường giao nhau và gây tai nạn giao thông	Điểm d Khoản 2 Điều 6
29	Tránh xe không đúng quy định; không nhường đường cho xe đi ngược	Điểm đ Khoản 2 Điều 6

	chiều theo quy định tại nơi đường hẹp, đường dốc, nơi có chướng ngại vật và gây tai nạn giao thông		
30	Quay đầu xe tại nơi cấm quay đầu xe và gây tai nạn giao thông		Điểm h Khoản 2 Điều 6
31	Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường và gây tai nạn giao thông		Điểm a Khoản 3 Điều 6
32	Không giảm tốc độ hoặc không nhường đường khi điều khiển xe chạy từ trong ngõ, đường nhánh ra đường chính và gây tai nạn giao thông		Điểm b Khoản 3 Điều 6
33	Dừng xe, đỗ xe ở lòng đường đô thị gây cản trở giao thông; tụ tập từ 03 xe trở lên ở lòng đường, trong hầm đường bộ; đỗ, để xe ở lòng đường đô thị, hè phố trái quy định của pháp luật và gây tai nạn giao thông		Điểm đ Khoản 3 Điều 6
34	Xe không được quyền ưu tiên lắp đặt, sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên và gây tai nạn giao thông		Điểm g Khoản 3 Điều 6
35	Dừng xe, đỗ xe trên đường xe điện, điểm dừng đón trả khách của xe buýt, nơi đường bộ giao nhau, trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường; dừng xe nơi có biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”; đỗ xe tại nơi có biển “Cấm đỗ xe” hoặc biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”; không tuân thủ các quy định về dừng xe, đỗ xe tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt; dừng xe, đỗ xe trong phạm vi an toàn của đường sắt, trừ hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3 Điều 48 và gây tai nạn giao thông		Điểm h Khoản 3 Điều 6
36	Điều khiển xe chạy dưới tốc độ tối thiểu trên những đoạn đường bộ có quy định tốc độ tối thiểu cho phép và gây tai nạn giao thông		Điểm m Khoản 3 Điều 6
37	Người ngồi phía sau vòng tay qua người ngồi trước để điều khiển xe, trừ trường hợp chở trẻ em ngồi phía trước và gây tai nạn giao thông		Điểm n Khoản 3 Điều 6
38	Người đang điều khiển xe sử dụng ô (dù), điện thoại di động, <u>thiết bị âm thanh</u> , trừ thiết bị trợ thính và gây tai nạn giao thông		Điểm o Khoản 3 Điều 6
39	Chuyển hướng không giảm tốc độ hoặc <u>không bắt xi nhan</u> (trừ trường hợp điều khiển xe đi theo hướng cong của đoạn đường bộ ở nơi đường không giao nhau cùng mức) và gây tai nạn giao thông		Điểm a Khoản 4 Điều 6
40	Chở theo từ 03 người trở lên trên xe và gây tai nạn giao thông		Điểm b Khoản 4 Điều 6

41	Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông và gây tai nạn giao thông		Điểm c Khoản 4 Điều 6
42	Dừng xe, đỗ xe trên cầu và gây tai nạn giao thông		Điểm d Khoản 4 Điều 6
43	Điều khiển xe không đi bên phải theo chiều đi của mình; đi không đúng phần đường, làn đường quy định hoặc điều khiển xe đi trên hè phố, trừ trường hợp điều khiển xe đi qua hè phố để vào nhà và gây tai nạn giao thông		Điểm g Khoản 4 Điều 6
44	Đi vào đường cấm, khu vực cấm; đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”, trừ trường hợp xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định và gây tai nạn giao thông		Điểm i Khoản 4 Điều 6
45	Người điều khiển xe hoặc người ngồi trên xe bám, kéo, đẩy xe khác, vật khác, dẫn dắt súc vật, mang vác vật cồng kềnh; người được chở trên xe đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái; xếp hàng hóa trên xe vượt quá giới hạn quy định; điều khiển xe kéo theo xe khác, vật khác và gây tai nạn giao thông		Điểm k Khoản 4 Điều 6
46	Không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông và gây tai nạn giao thông		Điểm m Khoản 4 Điều 6
47	Điều khiển xe đi vào đường cao tốc, trừ xe phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc và gây tai nạn giao thông		Điểm b Khoản 5 Điều 6
48	Chạy trong hầm đường bộ không sử dụng đèn chiếu sáng gần; vượt xe trong hầm đường bộ không đúng nơi quy định; quay đầu xe trong hầm đường bộ và gây tai nạn giao thông		Điểm d Khoản 5 Điều 6
49	Không nhường đường hoặc gây cản trở xe được quyền ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ và gây tai nạn giao thông		Điểm đ Khoản 5 Điều 6
50	Dừng xe, đỗ xe trong hầm đường bộ không đúng nơi quy định và gây tai nạn giao thông		Điểm e Khoản 5 Điều 6
51	Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về chất ma túy, nồng độ cồn của người thi hành công vụ	03 - 05 tháng	Điểm b Khoản 8 Điều 6
52	Lái xe sau khi uống rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ		Điểm c Khoản 8 Điều 6

	còn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở		
53	Vi phạm các quy định sau đây mà gây tai nạn giao thông hoặc không chấp hành hiệu lệnh dừng xe của người thi hành công vụ: - Buông cả hai tay khi đang điều khiển xe; dùng chân điều khiển xe; ngồi về một bên điều khiển xe; nằm trên yên xe điều khiển xe; thay người điều khiển khi xe đang chạy; quay người về phía sau để điều khiển xe hoặc bịt mắt điều khiển xe. - Điều khiển xe lạng lách hoặc đánh võng trên đường bộ trong, ngoài đô thị. - Điều khiển xe chạy bằng một bánh đối với xe hai bánh, chạy bằng hai bánh đối với xe ba bánh. - Điều khiển xe thành nhóm từ 02 (hai) xe trở lên chạy quá tốc độ quy định.		Khoản 10 Điều 6
54	Đua xe trái phép	03 - 05 tháng	Điểm b Khoản 4 Điều 34
55	Điều khiển xe trên đường mà trong cơ thể có chất ma túy (trong trường hợp có Giấy phép lái xe)	22 - 24 tháng	Khoản 11 Điều 6

### Đối với người điều khiển ô tô

1	Điều khiển xe trên đường mà trong cơ thể có chất ma túy	22 - 24 tháng	Khoản 11 Điều 5
2	Điều khiển xe ô tô kéo theo xe khác, vật khác (trừ trường hợp kéo theo một rơ moóc, sơ mi rơ moóc hoặc một xe ô tô, xe máy chuyên dùng khác khi xe này không tự chạy được); điều khiển xe ô tô đẩy xe khác, vật khác; điều khiển xe kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc kéo thêm rơ moóc hoặc xe khác, vật khác; không nối chắc chắn, an toàn giữa xe kéo và xe được kéo khi kéo nhau.	01 - 03 tháng	Điểm h khoản 3 Điều 5
3	Chở người trên xe được kéo, trừ người điều khiển		Điểm I khoản 3 Điều 5
4	Đi vào đường cấm, khu vực cấm; đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển "Cấm đi ngược chiều".		Điểm b khoản 4 Điều 5

5	Điều khiển xe không đi bên phải theo chiều đi của mình; đi không đúng phần đường hoặc làn đường quy định; điều khiển xe đi qua dải phân cách cứng ở giữa hai phần đường xe chạy; điều khiển xe đi trên hè phố, trừ trường hợp điều khiển xe đi qua hè phố để vào nhà.		Điểm c khoản 4 Điều 5
6	Xe không được quyền ưu tiên lắp đặt, sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên.		Điểm e khoản 4 Điều 5
7	Không thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn theo quy định khi xe ô tô bị hư hỏng ngay tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt.		Điểm g khoản 4 Điều 5
8	Không tuân thủ các quy định khi vào hoặc ra đường cao tốc; điều khiển xe chạy ở làn dừng xe khẩn cấp hoặc phần lề đường của đường cao tốc; chuyển làn đường không đúng nơi cho phép hoặc không có tín hiệu báo trước khi chạy trên đường cao tốc; quay đầu xe, lùi xe trên đường cao tốc; không tuân thủ quy định về khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước khi chạy trên đường cao tốc.		Điểm h khoản 4 Điều 5
9	Lái xe sau khi uống rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở.		Điểm a khoản 6 Điều 5
10	Vượt trong các trường hợp cấm vượt; không có báo hiệu trước khi vượt; vượt bên phải xe khác trong trường hợp không được phép, trừ trường hợp tại đoạn đường có nhiều làn đường cho xe đi cùng chiều được phân biệt bằng vạch kẻ phân làn đường mà xe chạy trên làn đường bên phải chạy nhanh hơn xe đang chạy trên làn đường bên trái.		Điểm ,b khoản 6 Điều 5
11	Không nhường đường hoặc gây cản trở xe được quyền ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ.		Điểm d khoản 6 Điều 5
12	Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h đến 35 km/h.		Điểm a khoản 7 Điều 5
13	Không tuân thủ các quy định về dừng xe, đỗ xe trên đường		Điểm b khoản 7 Điều 5

	cao tốc; khi dừng xe, đỗ xe trên đường cao tốc không đặt ngay biển báo hiệu nguy hiểm theo quy định		
14	Gây tai nạn giao thông không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn.	02 - 04 tháng	Điểm c khoản 7 Điều 5
15	Không chú ý quan sát, điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định gây tai nạn giao thông; tránh, vượt không đúng quy định gây tai nạn giao thông hoặc không giữ khoảng cách an toàn giữa hai xe theo quy định gây tai nạn giao thông.		Điểm c khoản 8 Điều 5
16	Điều khiển xe lạng lách, đánh võng; chạy quá tốc độ đuổi nhau trên đường bộ; dùng chân điều khiển vô lăng xe khi xe đang chạy trên đường.		Điểm d khoản 8 Điều 5
17	Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 35 km/h.		Điểm đ khoản 8 Điều 5
18	Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở	03 - 05 tháng	Khoản 6 Điều 5
19	Điều khiển xe đi ngược chiều trên đường cao tốc, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định.		04 - 06 tháng
20	Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở.	Điểm a khoản 9 Điều 5	
21	Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ.	Điểm b khoản 9 Điều 5	
22	Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về chất ma túy của người thi hành công vụ.	Điểm c khoản 9 Điều 5	